

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 921 /2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10– TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Dòn

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thuý – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 323/2025/DSST ngày 28/04/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2025/QĐXXST-DS ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 396/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (tên gọi cũ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần)

Trụ sở: 130 P, phường C, Quận P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh T** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Diệp Quốc D** - Chức vụ: Giám đốc phòng G1

Địa chỉ: I A, Phường I, Quận E (cũ) nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lê Trương G** hoặc bà **Phan Thanh V**

Bị đơn: Bà **Nguyễn Tuyết H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: A, tổ A ấp A xã T, huyện B(cũ), nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Lê Trương G và bà Phan Thanh V có mặt tại phiên tòa, bà Nguyễn Tuyết H vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TNHH MTV S- Chi nhánh Q- phòng G1 (Tên cũ Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Q- Phòng G1) đã ký với Bà Nguyễn Tuyết H hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

1. Tổng hạn mức cấp tín dụng: 410,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022, gồm:
 - Số tiền vay: 410,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu đồng chẵn).
 - Lãi suất: 8% /năm (lãi suất cố định 12 tháng đầu, được điều chỉnh từ tháng thứ 13 trở đi theo định kỳ hàng tháng).
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Mục đích vay: Mua xe Ôtô Toyota Vios 1.5E – CVT IMP.

Trong quá trình vay từ ngày 30/08/2022 đến hết ngày 30/05/2025, Bà Nguyễn Tuyết H chỉ trả được tổng số tiền như sau:

+ Vốn gốc : 135,493,000 đồng

+ Lãi trong hạn : 16,675,352 đồng

+ Lãi quá hạn : 97,953 đồng

Tổng cộng : 152,266,305 đồng (Bằng chữ: một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, ba trăm lẻ năm đồng).

2. Biện pháp đảm bảo:

Tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗ, nhãn hiệu Toyota Vios 1.5E, số máy: 2NRX901005, số khung: RL4B28F39N5167911, biển số đăng ký: 51K-325.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô: số 50 000919 do Công an huyện B, TP . cấp ngày 25/08/2022 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Tuyết H đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số K0003/TC22 ngày 30/08/2022 đã được Công chứng tại Văn phòng C thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật

Do Bà Nguyễn Tuyết H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 30/05/2025 Bà Nguyễn Tuyết H còn dư nợ các khoản sau:

+ Vốn. : 274,507,000 đồng

+ Lãi trong hạn : 62,738,953 đồng

+ Lãi Quá hạn : 22,707,876 đồng

Tổng cộng: 359,953,829 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi chín đồng).

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn Bà Nguyễn Tuyết H:

Buộc Bà Nguyễn Tuyết H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 204.613.678 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 đến ngày Bà Nguyễn Tuyết H thực trả hết nợ cho ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng dài hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022

Nếu Bà Nguyễn Tuyết H không thực hiện theo yêu cầu tại điểm 1 nêu trên thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho ngân hàng, chi tiết như sau:

- Xe ô tô 5 chỗ, nhãn hiệu Toyota Vios 1.5E số 50 000919, số máy 2NRX901005, số khung: RL4B28F39N5167911, biển số đăng ký: 51K-325.29 do Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/08/2022.

Trường hợp tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Tuyết H tại ngân hàng thì Bà Nguyễn Tuyết H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Tuyết H vắng mặt trong tất cả các lần hoà giải, công khai chứng cứ và xét xử tại phiên tòa nên không có văn bản trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Ngân hàng TNHH MTV S- Chi nhánh Q- phòng G1 (Tên cũ Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Q- Phòng G1) khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Tuyết H thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng tín dụng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn ngày 30/08/2022 do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Tuyết H có nơi ở hiện tại là A12/307B, tổ A, ấp A, xã T, huyện B (cũ) nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn Bà Nguyễn Tuyết H có nơi cư trú tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Tuyết H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không

có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2020 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Tuyết H nhưng bà H vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy bà H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301442379 đăng ký lần đầu ngày 08/04/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 19/08/2022 thì Ngân hàng TNHH MTV S- Chi nhánh Q- phòng G1 (Tên cũ Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Q- Phòng G1) là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Tuyết H là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng trung hạn ngày 30/08/2022 về việc cấp tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Ngân hàng TNHH MTV S- Chi nhánh Q- phòng G1 (Tên cũ Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Q- Phòng G1) đã ký với Bà Nguyễn Tuyết H hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

Tổng hạn mức cấp tín dụng: 410,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022, gồm:

- Số tiền vay: 410,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm mười triệu đồng chẵn).
- Lãi suất: 8% /năm (lãi suất cố định 12 tháng đầu, được điều chỉnh từ tháng thứ 13 trở đi theo định kỳ hàng tháng).
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Mục đích vay: Mua xe Ô tô Toyota Vios 1.5E – CVT IMP.

Trong quá trình vay từ ngày 30/08/2022 đến hết ngày 30/05/2025, Bà Nguyễn Tuyết H chỉ trả được tổng số tiền như sau:

+ Vốn gốc : 135,493,000 đồng

+ Lãi trong hạn : 16,675,352 đồng

+ Lãi quá hạn : 97,953 đồng

Tổng cộng : 152,266,305 đồng (Bằng chữ: một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, ba trăm lẻ năm đồng).

[8] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, Ngân hàng TNHH MTV S1 ký kết với bà Nguyễn Tuyết H hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm là: Tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗ, nhãn hiệu Toyota Vios 1.5E, số máy: 2NRX901005, số khung: RL4B28F39N5167911, biển số đăng ký: 51K-325.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô: số 50 000919 do Công an huyện B, TP . cấp ngày 25/08/2022 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Tuyết H đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số K0003/TC22 ngày 30/08/2022 đã được Công chứng tại Văn phòng C thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật

[9] Trong quá trình hoà giải và tại phiên toà ngày hôm nay bà Nguyễn Tuyết H vẫn không đến toà cũng như không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến.

[10] Căn cứ vào Bảng kế hoạch trả nợ, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi đối với Ngân hàng TNHH MTV S1 tại Hợp đồng Hợp đồng tín dụng trung hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022

Ngân hàng TNHH MTV S đã thực hiện thu hồi nợ trước hạn tuy nhiên hết thời hạn yêu cầu thanh toán nhưng bà Nguyễn Tuyết H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TNHH MTV S1.

[11] Hội đồng xét xử xét thấy, Ngân hàng TNHH MTV S1 là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV S1 đối với bị đơn bà Nguyễn Tuyết H, cụ thể như sau:

Ngân hàng TNHH MTV S1 yêu cầu Bà Nguyễn Tuyết H thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 204.613.687 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng) trong đó:

- Vốn : 143.602.648 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm lẻ hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng)

- Lãi trong hạn : 61.011.039 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm mười một nghìn không trăm ba mươi chín đồng)

[12] Trong trường hợp bà Nguyễn Tuyết H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TNHH MTV S1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án

dân sự có thẩm quyền thi hành khoản nợ trên bằng việc phát mãi tài sản Ngân hàng TNHH MTV S1 ký kết với bà Nguyễn Tuyết H hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm là: xe ô tô 5 chỗ, nhãn hiệu Toyota Vios 1.5E, số máy: 2NRX901005, số khung: RL4B28F39N5167911, biển số đăng ký: 51K-325.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô: số 50 000919 do Công an huyện B, TP . cấp ngày 25/08/2022 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Tuyết H.

[13] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022.

[14] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Tuyết H tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Bà Nguyễn Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.230.684 đồng (Mười triệu hai trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1- Chi nhánh Q- phòng G1 (Tên cũ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Q- Phòng G1) đối với bị đơn bà Nguyễn Tuyết H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Tuyết H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 theo hợp đồng số Hợp đồng tín dụng trung hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022 số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 204.613.687 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm mười ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng) trong đó:

- Vốn : 143.602.648 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm lẻ hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng)
- Lãi trong hạn : 61.011.039 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm mười một nghìn không trăm ba mươi chín đồng)

2. Các bên giao nhận tiền tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền

3. Trong trường hợp bà Nguyễn Tuyết H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 được quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành phát mãi tài sản đảm bảo là tài sản bảo đảm là xe ô tô 5 chỗ, nhãn hiệu Toyota Vios 1.5E, số máy: 2NRX901005, số khung: RL4B28F39N5167911, biển số đăng ký: 51K-325.29 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô: số 50 000919 do Công an huyện B, TP . cấp ngày 25/08/2022 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Tuyết H đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số K0003/TC22 ngày 30/08/2022 đã được Công chứng tại Văn phòng C thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ bà Nguyễn Tuyết H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số: Hợp đồng tín dụng trung hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022

Các bên thi hành án tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Nguyễn Tuyết H phải chịu 10.230.684 đồng (Mười triệu hai trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9,336,449 đồng (chín triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn bốn mươi chín đồng)

chấn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052343 ngày 24 tháng 04 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân KV10;
- Thi hành án dân sự TPHCM
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Đặng Thị Vân Hương